

Nghệ thuật tập Kiều và lấy Kiều của Hồ Chí Minh

Lê Đình Cúc*

Tóm tắt: *Truyện Kiều* là một tuyệt tác văn chương đã nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm của Hồ Chí Minh. Nhiều lần Hồ Chí Minh sử dụng các hình thức tập Kiều, lấy Kiều để chuyển tải tình cảm của mình đối với nhân dân, bạn bè và trong quan hệ quốc tế. Hồ Chí Minh tiếp thu được hồn cốt của *Truyện Kiều*, thể hiện lại trong hoàn cảnh cụ thể để nói lên tình cảm và tâm trạng của mình. Hồ Chí Minh cũng là người tập Kiều và lấy Kiều sang Hán văn rất tài tình.

Từ khóa: *Truyện Kiều*; lấy Kiều; tập Kiều; Hồ Chí Minh.

1. Mở đầu

Truyện Kiều là gia tài văn hoá vĩ đại của nhân dân ta. Giá trị to lớn của *Truyện Kiều* không chỉ được mọi người Việt Nam qua nhiều thế hệ biết đến, trân trọng giữ gìn mà còn là tài sản văn hoá của nhân loại.

Nghệ thuật trắc việt, bác học của ngôn ngữ cộng với ngôn ngữ của văn hoá dân gian trong *Truyện Kiều* càng làm cho *Truyện Kiều* phổ cập ở mọi thời đại, mọi thế hệ. *Truyện Kiều* đã được dân gian hoá, đã thành điệu hát, lời ru trong dân gian. Hồ Chí Minh đã sớm được tắm mình và hít thở *Truyện Kiều* từ thuở ấu thơ và *Truyện Kiều* đã trở thành hồn cốt, máu thịt trong tâm hồn Hồ Chí Minh, trong cuộc sống hàng ngày của Hồ Chí Minh.

Tập Kiều là mượn câu, chữ có sẵn trong *Truyện Kiều* để thể hiện một nội dung mới mà mình muốn nói. “*Lấy* là tách ra, lấy rồi ra từng cái, những vật dính liền từng cụm”, *Lấy thơ* là chọn, rút ra một vài câu, đoạn trong một tác phẩm thơ để phỏng theo mà diễn đạt ý. Lấy một câu Kiều là lấy một hoặc vài câu, một đoạn trong *Truyện Kiều* rồi đọc lên, ngâm lên hợp với tình, cảnh của người lấy. Trong các bài nói, Hồ Chí Minh sử dụng hai hình thức này nhiều lần, trong những hoàn cảnh khác nhau, với nhiều sáng tạo.

2. Nghệ thuật tập Kiều của Hồ Chí Minh: giữ nguyên tác *Truyện Kiều* thể hiện lại trong hoàn cảnh cụ thể, chuyển tải nội dung mới

Hồ Chí Minh có nhiều lần tập Kiều trong đó có 4 lần tiêu biểu sau đây:

Lần thứ nhất, Hồ Chí Minh tập Kiều khi nói chuyện với Trần Phú. Biên niên sử Hồ Chí Minh cho thấy những sự kiện và những chặng đường hoạt động của Hồ Chí Minh trước và sau ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3 tháng 2 năm 1930. Hồ Chí Minh đã từng đi công tác ở Malaysia, Singapore, Thái Lan và Trung Quốc, khi đến Quảng Châu thì gặp Trần Phú từ Liên Xô trở về.

Theo nhà văn Sơn Tùng kể, có một đêm khuya tự nhiên Hồ Chí Minh thức dậy hỏi: Đồng chí Lý (tức Trần Phú) còn ngủ hay thức giấc rồi? Tôi vẫn thức giấc đồng chí ạ! Đồng chí Trần Phú đáp. Biết đồng chí Lý đã thức giấc, Hồ Chí Minh liền kể cho đồng chí nghe giấc mơ của mình. Kể xong Hồ Chí Minh nhìn vào đêm tối thăm thăm bằng một giọng bồi hồi, khe khẽ đọc mấy câu Kiều cho đỡ nhớ quê hương đất nước:

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 01687389192. Email: ledinhcuc@gmail.com

“Tình sâu mong trả nghĩa dày/ Hoa kia đã chấp cành này cho chưa?/ Mỗi tình đòi đoạn vò tơ/ Giấc hương quan luống mẩn mơ canh dài/ Song sa vò võ phương trời/ Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng” [5].

Các câu thơ này trong *Truyện Kiều* diễn tả tâm trạng của Thuý Kiều nhớ nhà, nhớ cha mẹ, nhớ em và nhớ người yêu sau một thời gian xa nhà, bị bán cho Mã Giám Sinh để lấy tiền chuộc cha.

Cũng là tập Kiều nhưng khi nói về tâm trạng, tình cảm của Hồ Chí Minh, nhất là khi nói đến tấm lòng nhớ nước, nhớ nhà, nhớ người yêu của mình, Hồ Chí Minh đã tập những câu thơ sâu sắc nhất của *Truyện Kiều*. Hồ Chí Minh đã mượn lời của Nguyễn Du để nói về ai đó đang “vò võ phương trời” suốt bao nhiêu năm Hồ Chí Minh phải chia tay (1911-1930) mà Người chưa gặp lại. Nghĩa là ngoài sự nhớ quê hương đất nước còn là sự nhớ thương, day dứt về một mối tình, về người yêu của Hồ Chí Minh. Người đó là ai? Tôi nghĩ không cần biết, không thể biết nhưng chắc chắn là có.

Lần thứ hai, Hồ Chí Minh tập Kiều thể hiện ở câu thơ: “Bồi hồi dạo *đỉnh* Tây Phong/ Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai” (Bài *Mới ra tù tập leo núi - Nhật ký trong tù*). Ở câu thơ này Hồ Chí Minh đã thêm vào câu thứ 4 một chữ “*đỉnh*” để rồi lấy Kiều ở câu dịch tiếp theo. *Dạo trên đỉnh* Tây Phong mới có thể “trông về cố quốc” được. Nếu chỉ là “dạo bước Tây Phong lĩnh” (Như bản dịch của Nam Trân) thì không thể “trông về” được.

Câu “Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai” được Hồ Chí Minh lấy ý từ câu thơ (1788) trong nguyên tác *Truyện Kiều*: “Bồn phương mây trắng một màu/ Trông vời cố quốc biết đâu là nhà”.

Đây là tâm trạng nhớ nhà, nhớ cha mẹ, nhớ người yêu (Thúc Sinh) của Thuý Kiều. Câu thơ trước đó là: “Lâm Tri chút nghĩa

đèo bông/ Nước non để chữ tương phùng kiếp sau” (câu 1785).

Ở đây Nguyễn Du sử dụng nghĩa thứ nhất. Thuý Kiều “trông vời” nhớ về Lâm Tri nơi có “chút nghĩa đèo bông” với Thúc Sinh chứ đâu phải nhớ *quê hương* (nghĩa thứ hai) của nàng vì quê hương của Thuý Kiều là ở Bắc Kinh.

Cái tài của Hồ Chí Minh thể hiện rõ hơn ở câu thơ tiếng Hán: “Dao vọng Nam thiên ức cố nhân” (Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai). “*Trông về*”, chứ không phải là “trông lại”, “*chạnh lòng nhớ ai*” chứ không phải là “nhớ bạn xưa”.

Tập Kiều bằng quốc văn với nghệ thuật siêu đẳng đã là tài, tập Kiều bằng dịch lại từ thơ chữ Hán như trường hợp này kể cũng ít ai làm được. Từ “ức cố nhân” nhờ tập Kiều thành “chạnh lòng nhớ ai” thì quả là đáng khâm phục.

Lần thứ ba, Hồ Chí Minh tập Kiều khi tặng thơ cho nữ sỹ Ngân Giang. Trường hợp Hồ Chí Minh tập Kiều tặng nữ sỹ Ngân Giang (1916-2002) thì lại khác. Nữ sỹ Ngân Giang có hơn bốn ngàn bài thơ Đường luật, nổi tiếng cùng với các nhà Thơ Mới. Bà có bài thơ *Trung nữ vương*, một trong những bài thơ chống chiến tranh xuất sắc nhất trong thơ ca Việt Nam. Bài đó có câu: “Ái Bắc quân thù kinh vó ngựa/ Giáp vàng khăn trở lạnh đầu voi/ Chàng ơi điện ngọc bơ vơ quá/ Trăng chệch ngôi trời bóng lẻ soi”. Bà cũng tặng cho Hồ Chí Minh tám câu thơ, được bà thêm trên một tấm gấm: “Ta say uy vũ Trần Hưng Đạo/ Ta say sự nghiệp Hồ Chí Minh/ Nhật nguyệt soi ngời cung Thủy Lĩnh/ Hoa hương châu ngát đất Mê Linh/ Dải Lam Sơn treo gương hào kiệt/ Gò Đống Đa hằn gót viễn chinh/ Mấy thuở không phai hồn chủng tộc/ Muôn năm cờ đỏ dựng thanh bình”. Hồ Chí Minh đáp lại: “Mấy lời cảm tạ Ngân Giang/ Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu”. Ở câu thơ này, Hồ Chí Minh đã tập Kiều, lấy nguyên câu 1316 của *Truyện Kiều*. Ý của câu thơ đó là Thúc

Sinh làm thơ tặng Kiều (Ngũ tình tay thảo một thiên luật Đường - câu 1314); Thúy Kiều đáp lại, cảm ơn tấm lòng của Thúc Sinh.

Lần thứ tư, Hồ Chí Minh tập Kiều khi Người sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau để cùng Chính phủ Pháp giải quyết vấn đề quan hệ giữa hai nước trong tình trạng thực dân Pháp đang gây chiến tranh để chiếm lại Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ hai và nước Việt Nam đã giành được độc lập. Trong chuyến đi này Hồ Chí Minh đã gặp đồng bào Việt kiều ở Pháp. Sau buổi gặp chân tình, chan chứa tình cảm với đồng bào, khi chia tay với đồng bào, Hồ Chí Minh đã tập hai câu Kiều: “Gìn vàng giữ ngọc cho hay/ Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời”.

Đây là câu 545 trong *Truyện Kiều*, nằm trong đoạn Thúy Kiều với Kim Trọng vừa trao duyên, thề gắn bó với nhau thì Kim Trọng phải về Liêu Dương hộ tang chú. Hai người phải chia tay trong bịn rịn, nhớ nhung. Lúc chia tay Kim Trọng căn dặn người yêu. Thúy Kiều đáp lời Kim Trọng: “Đã nguyện hai chữ đồng tâm/ Trăm năm thế chẳng ôm cầm thuyên ai”. Câu trả lời của Thúy Kiều thật chững chạc, dứt khoát và chung thủy (Em đã thề yêu anh rồi thì chẳng bao giờ nghĩ đến ai nữa đâu). Lời dặn người yêu của Kim Trọng: “Gìn vàng giữ ngọc cho hay/ Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời”. Qua lời dặn của Kim Trọng và lời đáp của Thúy Kiều ta thấy rõ Kim Trọng vẫn còn có sự lo lắng, thậm chí là nghi ngờ, không hẳn tin ở Thúy Kiều. Tâm lý bình thường, người ta chỉ dặn dò người khác khi không thật tin ở người mình dặn. Đã tin thì sao lại phải dặn. Mà lại dặn “gìn vàng giữ ngọc” cũng là sự lo âu của những người đang yêu. Đi hộ tang chú 6 tháng ở Liêu Dương có xa thật nhưng làm gì mà “chân mây cuối trời”. Kim Trọng chỉ lấy lý do mà dặn và khuyên Thúy Kiều đấy thôi.

Hồ Chí Minh đã lấy nguyên cả câu thơ trên của Nguyễn Du để nói với kiều bào, và câu thơ mang một ý nghĩ và nội dung mới.

Gìn vàng giữ ngọc cho hay, khi dặn riêng với một người con gái thì ai cũng hiểu “gìn vàng giữ ngọc” ngoài tình yêu ra thì còn phải giữ những gì nữa là vàng ngọc của người con gái ấy. Nhưng khi dặn, nói với một tập thể đồng người thì những nghĩa trên đây không còn nữa.

Ai (phải) gìn vàng, giữ ngọc? Ấy là đồng bào Việt kiều sống xa Tổ quốc, ấy là tình đoàn kết hữu nghị với nhân dân Pháp và người các nước khác đang sinh sống ở Paris lúc đó. Đây là tinh thần cần cù lao động, tình đoàn kết, yêu thương đùm bọc nhau, giúp đỡ nhau trong đời sống hàng ngày, là gìn giữ nếp sống văn hoá của người Việt nơi đất khách quê người.

Kim Trọng đi Liêu Dương là đi xa nơi hò hẹn trao gửi tình yêu với Thúy Kiều. Ngược lại Hồ Chí Minh, “Kẻ chân mây cuối trời” lại là về Tổ quốc mà Kiều bào lại là những người ở xa Đất nước, đang ở “Chân mây cuối trời”. Nơi Hồ Chí Minh về là Tổ quốc đang bị đặt trước bao gian nan và thách thức. Vị trí của người “đi” và người “ở lại” đã được thay đổi trong hoàn cảnh này. Hai câu thơ tập Kiều của Hồ Chí Minh mang nội dung hoàn toàn mới, thể hiện tình cảm gắn bó yêu thương với Kiều bào, thể hiện lòng tin của Hồ Chí Minh với đồng bào đang sống xa Tổ quốc (chứ không phải nghi, ngờ thiếu lòng tin ở người mình yêu như anh chàng Kim Trọng).

3. Nghệ thuật lấy Kiều của Hồ Chí Minh: thay đổi một hoặc vài chữ của *Truyện Kiều* để thể hiện tình cảm, trạng huống mới

Lần thứ nhất, Hồ Chí Minh lấy Kiều khi tặng thơ cho nữ nhà thơ Hằng Phương. Năm 1946, Nữ nhà thơ Hằng Phương gửi tặng Hồ Chí Minh một bài thơ và một giỏ cam đã được Hồ Chí Minh lấy Kiều họa lại.

Với Hằng Phương, Hồ Chí Minh thể hiện tấm lòng biết ơn người biểu cam và thể hiện ước mong hy vọng ở tương lai của đất nước dù đang lúc gặp vô vàn khó khăn: “Cám ơn bà biểu gói cam/ Nhận thì không nỡ từ làm sao đây/ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây/ Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai” (khổ tận: hết khổ; cam lai: vui đến). Trong trường hợp này Hồ Chí Minh nắm được, cảm được cái tình, bắt lấy cái thần của chữ, của câu trong *Truyện Kiều* để rồi lấy ra, thay vào một chữ mới làm cho câu thơ có nội dung mới nhiều khi thay đổi nghĩa của nó. Cái tài ấy không có ở nhiều người lấy Kiều. Phải là người hiểu kỹ, thuộc lòng, cảm nhận hết mọi tầng sâu ngữ nghĩa của từng câu, từng chữ *Truyện Kiều* mới làm được.

Lần thứ hai, Hồ Chí Minh lấy Kiều vào năm 1950 sau chuyến đi thăm Liên Xô và Trung Quốc. Hồ Chí Minh qua Bắc Kinh và lúc chia tay những nhà lãnh đạo cao cấp của bạn, Hồ Chí Minh đã viết bài thơ *Xa Bắc Kinh* (Ly Bắc Kinh) bằng tiếng Hán: “Ký Bắc thiên tân huyền hạo nguyệt/ Tâm tuy hạo nguyệt cộng du du/ Hạo nguyệt thủy phân vi lương bản/ Bản tiếp cự hữu, bản chinh phu” (Trời Ký Bắc treo vàng trắng dọi/ Lòng theo trắng vời vợi sáng ngời/ Vàng trắng ai xẻ làm đôi/ Nửa theo bạn cũ nửa soi lẽ hành).

Đọc lên ai cũng hiểu ngay đây là bài thơ lấy Kiều. Bởi vì, bài thơ đó của Hồ Chí Minh lấy từ ý câu thơ nói về việc Thúy Kiều chia tay Thúc Sinh: “Người lên ngựa, kẻ chia bào... vầng trăng ai xẻ làm đôi, nửa in gối chiếc nửa soi dặm đường”.

Lần thứ ba, Hồ Chí Minh lấy Kiều tiễn Tổng thống Sukarno ở sân bay Gia Lâm vào năm 1958. Hồ Chí Minh đã lấy Kiều hai lần nói lên tình cảm sâu đậm và quyến luyến của Người đối với Tổng thống: “Nhớ nhung trong lúc chia tay/ Tấm lòng lưu luyến cùng bay theo người”.

Nhưng lần sau, ở cầu thang máy bay lúc máy bay sắp cất cánh, câu Kiều mà Hồ Chí Minh lấy tặng Tổng thống Sukarno mới là thần kỳ: “Cánh hồng bay bổng tuyệt vời/ *Đang* mòn con mắt phương trời đăm đăm”.

Nhiều người nghĩ rằng đây là diễn tả tâm trạng, tình cảm quyến luyến của Hồ Chí Minh đối với ngài Tổng thống khi chia tay. Hoàn toàn không phải thế. Đây là câu thứ 2247 và 2248 trong *Truyện Kiều*. Sau hai lần bị bán vào lầu xanh, bị Hoạn Thư hành hạ, Thúy Kiều gặp được Từ Hải, cuộc đời nàng sang một trang mới, nàng trở thành mệnh phụ phu nhân. Nhưng “nửa năm hương lửa đang nồng” thì Từ Hải phải ra đi vì nghiệp lớn. Thúy Kiều ở lại trông ngóng, mong đợi chồng trở về (“Đêm đêm đặng đặng nhặt cài then mây”). Nàng nhớ thương chồng và *đã* trông đợi đến *mòn con mắt*.

4. Kết luận

Nghệ thuật tập Kiều, lấy Kiều của Hồ Chí Minh trên thực tế còn phong phú hơn nhiều. Hồ Chí Minh đã vận dụng các hình thức của *Truyện Kiều* để vận động cách mạng, tuyên truyền và giáo dục, giác ngộ nhân dân, kể cả với những người lầm đường lạc lối; đặc biệt để thể hiện tình cảm chân thành, quý mến của nhân dân Việt Nam đối với bạn bè quốc tế trong những dịp có các đoàn khách quốc tế đến thăm nước ta. Sự hoà quyện giữa *Truyện Kiều* và cốt cách văn hoá Hồ Chí Minh đã góp phần tạo nên văn hoá Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Duy Anh (2000), *Từ điển Truyện Kiều*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [2] Đào Duy Anh (2013), *Truyện Kiều trong văn hoá Việt Nam*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
- [3] Hồ Chí Minh (2004), *Nhật ký trong tù*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
- [4] Nhiều tác giả (2012), *Tranh luận về Truyện Kiều*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [5] <http://www.ngheandist.gov.vn>

